


<p style="text-align: center;"><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM</b></p> <p style="text-align: center;">Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b></p> <p><b>Lithium hydroxide</b></p>	<p>MSDS: 6 16/10/2012</p>									
<b>Trang phục bảo hộ</b>		<b>Nhãn</b>	<b>HMSI (USA)</b>								
			<table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <tr><td style="background-color: #0000FF; color: white;">Health</td><td style="background-color: #0000FF; color: white;">3</td></tr> <tr><td style="background-color: #FF0000; color: white;">Fire</td><td style="background-color: #FF0000; color: white;">0</td></tr> <tr><td style="background-color: #FFFF00; color: black;">Reactivity</td><td style="background-color: #FFFF00; color: black;">0</td></tr> <tr><td style="background-color: #FFFFFF; color: black;">Personal Protection</td><td style="background-color: #FFFFFF; color: black;">J</td></tr> </table>	Health	3	Fire	0	Reactivity	0	Personal Protection	J
Health	3										
Fire	0										
Reactivity	0										
Personal Protection	J										
<b>1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT</b>											
<p><b>Tên gọi:</b> Lithium hydroxide</p> <p><b>Tên thương mại:</b></p> <p><b>Số CAS:</b> 1310-65-2</p> <p><b>Số UN:</b></p> <p><b>Số đăng ký EC:</b></p> <p><b>Tên nhà sản xuất:</b></p> <p><b>Mục đích sử dụng:</b> phân tích hóa độc chất môi trường trong phòng thí nghiệm.</p>	<p><b>Đơn vị sử dụng:</b></p> <p>VIỆN VỆ SINH - Y TẾ CÔNG CỘNG TP. HỒ CHÍ MINH</p> <p>Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường 159 Hung Phú, P.8, Q.8, TP.HCM</p> <p>Điện thoại: (84)(08)38559503 -38559719</p> <p><b>Liên hệ khẩn cấp:</b> Cháy nổ: 114 Cấp cứu: 115</p>										
<b>2. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN HÓA CHẤT</b>											
<b>Tên thành phần hóa chất</b>	<b>CAS-Number</b>	<b>Công thức cấu tạo</b>	<b>% theo khối lượng</b>								
Lithium hydroxide	1310-65-2	LiOH	100								
<b>3. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT</b>											
<p><b>- Tác động cấp tính</b></p> <p><b>Tiếp xúc với mắt:</b> rất nguy hại. Gây viêm mắt, rối loạn thị giác, mù mắt.</p> <p><b>Nuốt phải:</b> rất nguy hại.</p> <p><b>Hít phải:</b> rất nguy hại. Tiếp xúc quá nhiều gây kích ứng dạ dày, viêm đường hô hấp với các triệu chứng như rát cổ, ho, hắt hơi. Nghiêm trọng hơn gây tổn thương phổi, nghẹt thở, bất tỉnh và nặng hơn hoặc tử vong.</p> <p><b>Tiếp xúc với da:</b> rất nguy hại. Tiếp xúc trong thời gian dài gây tổn thương các mô, gây viêm</p>											

<p style="text-align: center;"><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b> <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b> Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b></p> <p><b>Lithium hydroxide</b></p>	<p>MSDS: 6 16/10/2012</p>
<p>loét da với các triệu chứng như ngứa, bong chóc da, đỏ và phỏng rộp da.</p> <p>- <b>Tác động mãn tính</b> <i>Gây ung thư:</i> không có giá trị. <i>Gây đột biến gen:</i> không có giá trị. <i>Gây quái thai:</i> không có giá trị. <i>Độc tính phát triển:</i> không có giá trị.</p> <p>Hóa chất có thể gây độc cho thận, đường tiêu hóa, đường hô hấp, da, mắt, hệ thống thần kinh trung ương. Tiếp xúc liên tục và kéo dài gây tổn hại đến các cơ quan khác. Tiếp xúc với mắt liên tục gây kích ứng mắt, tiếp xúc với da gây thương tổn và viêm da, hít bụi nhiều lần và liên tục gây kích ứng đường hô hấp và viêm phổi. Tiếp xúc hóa chất ở liều gây độc cao làm suy giảm sức khỏe do tích lũy một lượng lớn độc chất trong các cơ quan của cơ thể.</p>		
<p><b>4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU Y TẾ</b></p>		
<p>- <b>Tiếp xúc với mắt</b> Kiểm tra và loại bỏ bất kỳ kính sát tròng. Khi bị tiếp xúc với mắt, phải rửa mắt ngay với nhiều nước ít nhất trong 15 phút, có thể sử dụng nước lạnh và gặp bác sĩ chuyên khoa.</p> <p>- <b>Tiếp xúc với da</b> Rửa bằng xà phòng và nước ít nhất 15 phút, thay bỏ quần áo nhiễm bẩn, bảo vệ vết thương bằng một loại vải mềm, có thể sử dụng nước lạnh, quần áo, giày dép nhiễm bẩn phải tẩy rửa trước khi sử dụng lại. Gặp bác sĩ chuyên khoa nếu có những kích ứng. Trường hợp nghiêm trọng: rửa ngay với xà phòng diệt khuẩn và bôi kem sát khuẩn vào vùng da nhiễm hóa chất, đưa nạn nhân đi cấp cứu ngay lập tức.</p> <p>- <b>Hít vào</b> Đưa nạn nhân đến chỗ thông thoáng, nếu ngừng thở, thực hiện hô hấp nhân tạo cho nạn nhân, nếu thở khó khăn, cần cung cấp oxy cho nạn nhân sau đó gọi cấp cứu ngay lập tức. Trường hợp nghiêm trọng: cách ly nạn nhân ra khỏi vùng nhiễm hóa chất, cởi quần áo, cổ áo, thắt lưng, cà vạt. Nếu thở khó khăn, cung cấp oxy cho nạn nhân. Nếu ngừng thở, thực hiện hô hấp nhân tạo cho nạn nhân. Cảnh báo: có thể gây nguy hại cho người thực hiện việc</p>		

<p style="text-align: center;"><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b> <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b> Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b></p> <p><b>Lithium hydroxide</b></p>	<p>MSDS: 6 16/10/2012</p>
<p>hô hấp nhân tạo. Đưa đi cấp cứu ngay.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Nuốt vào</b> Tránh để nạn nhân nôn mửa trừ khi có sự trợ giúp của y tế, không bao giờ sử dụng miệng để hô hấp nạn nhân. Nếu nuốt phải lượng lớn, cần gọi cấp cứu ngay. Nói lỏng quần áo, cổ áo, thắt lưng, cà vạt...</li> </ul>		
<p><b>5. DỮ LIỆU VỀ CHÁY NỔ</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Đặc tính cháy của hóa chất:</b> không cháy.</li> <li>- <b>Nhiệt độ tự bốc cháy:</b> không áp dụng.</li> <li>- <b>Điểm bốc cháy:</b> không áp dụng.</li> <li>- <b>Giới hạn có thể cháy:</b> không áp dụng.</li> <li>- <b>Sản phẩm cháy:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Nguy cơ cháy khi có sự hiện diện các vật chất khác:</b> không áp dụng.</li> <li>- <b>Nguy cơ nổ khi có sự hiện diện các vật chất khác</b> <i>Tác động cơ học:</i> không có giá trị. <i>Tác động tĩnh:</i> không có giá trị.</li> <li>- <b>Chỉ dẫn chữa cháy:</b> không áp dụng.</li> <li>- <b>Chú thích đặc biệt về nguy cơ cháy:</b> sản phẩm phân hủy độc hại: các oxide của lithium.</li> </ul>		
<p><b>6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Trường hợp tràn đổ, rò rỉ mức nhỏ</b> Sử dụng dụng cụ thích hợp xúc bỏ hóa chất đổ rót vào thùng chứa chất thải. Nếu cần thiết: Trung hòa phần dư với dung dịch axit acetic loãng.</li> <li>- <b>Trường hợp tràn đổ, rò rỉ mức lớn</b> Là chất độc, gây ăn mòn, tránh rò rỉ ra ngoài, không phun nước vào thùng chứa, không chạm vào vật liệu chảy tràn, sử dụng vòi phun để giảm hơi, ngăn không cho chảy vào cống, tầng hầm hoặc vùng được giới hạn nếu cần. Gọi hỗ trợ khi thải bỏ. Trung hòa phần dư với dung dịch axit acetic loãng. Cảnh thận khi chất không hiện diện ở mức nồng độ trên TLV. Kiểm tra TLV trên MSDS và các tài liệu tương tự.</li> </ul>		

<p style="text-align: center;"><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b> <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b> Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b></p> <p><b>Lithium hydroxide</b></p>	<p>MSDS: 6 16/10/2012</p>
<b>7. BẢO QUẢN VÀ TỒN TRỮ</b>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Sự đề phòng</b> Giữ thùng chứa ở nơi khô ráo. Tránh nuốt vào, tránh hít bụi. Không bao giờ thêm nước vào chất này. Trong trường hợp thiếu thông gió, đeo thiết bị trợ hô hấp thích hợp. Nếu nuốt phải, gọi cấp cứu ngay. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Tránh xa các tác nhân kị nhau như oxy hóa, axít.</li> <li>- <b>Tồn trữ</b> Đóng chặt nắp thùng chứa. Để thùng chứa ở vùng khô ráo, thông thoáng, dùng máy hút ẩm nếu cần.</li> </ul>		
<b>8. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN</b>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Kiểm soát kỹ thuật</b> Sử dụng quy trình khép kín, thông thoáng tại chỗ, hay những kiểm soát kỹ thuật khác để giữ ngưỡng hít thở dưới ngưỡng giới hạn tiếp xúc. Nếu quá trình vận hành tạo ra bụi, khói hoặc sương, thực hiện thông gió để giữ ngưỡng hít thở dưới ngưỡng giới hạn.</li> <li>- <b>Bảo hộ cá nhân:</b> kính bảo hộ, tạp dề, bình dưỡng khí, mặt nạ phòng độc hoặc khẩu trang đã được chứng nhận, găng tay.</li> <li>- <b>Bảo hộ cá nhân trong trường hợp rò rỉ lớn:</b> kính bảo hộ, trang phục bảo hộ nguyên bộ, bình dưỡng khí, ủng, găng tay. Mặt nạ hoặc khẩu trang thích hợp. Đề xuất quần áo bảo hộ có thể không đầy đủ, tham khảo ý kiến một số chuyên gia trước khi làm việc với chất này.</li> <li>- <b>Giới hạn tiếp xúc:</b> STEL: 1 (mg/m<sup>3</sup>) [United Kingdom (UK)] CEIL: 1 từ AIHA [United States]. Tham khảo từ các tài liệu tương tự để được mức giới hạn chấp nhận được.</li> </ul>		
<b>9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT</b>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Trạng thái và hình dạng vật lý:</b> thể rắn (dễ hút ẩm).</li> <li>- <b>Mùi:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Vị:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Khối lượng phân tử:</b> 23,95 g/mol.</li> <li>- <b>Màu:</b> trắng.</li> </ul>		

<p style="text-align: center;"><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b> <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b> Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b></p> <p><b>Lithium hydroxide</b></p>	<p>MSDS: 6 16/10/2012</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>pH (1% dung môi/nước):</b> 14.</li> <li>- <b>Điểm sôi:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Điểm tan chảy:</b> 450°C (842°F).</li> <li>- <b>Nhiệt độ tới hạn:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Trọng lượng riêng:</b> 2,54 (Nước = 1)</li> <li>- <b>Áp suất bay hơi:</b> không áp dụng.</li> <li>- <b>Tỉ trọng bay hơi:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Sự bay hơi:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Ngưỡng mùi:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Hệ số phân phối nước/dầu:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Ionicity (trong nước):</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Tính chất phân tán:</b> tan trong nước, methanol.</li> <li>- <b>Sự hòa tan:</b> tan trong nước lạnh, tan trong methanol, không tan trong methyl ether.</li> </ul>		
<p><b>10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Độ ổn định:</b> hóa chất ổn định.</li> <li>- <b>Nhiệt độ gây không ổn định:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Những điều kiện gây không ổn định:</b> tiếp xúc với không khí ẩm, nước, nhiệt, vật liệu không tương thích, nhiệt, nhạy với không khí. Hấp thụ khí CO<sub>2</sub> từ không khí, dễ hút ẩm, hấp thu độ ẩm hoặc nước từ không khí.</li> <li>- <b>Những hóa chất không tương thích:</b> phản ứng với tác nhân oxy hóa, axit.</li> <li>- <b>Tính ăn mòn:</b> ăn mòn nhẹ khi đựng trong thủy tinh.</li> <li>- <b>Chú thích đặc biệt về quá trình phản ứng:</b> Không tương thích với nhôm, kẽm, CO<sub>2</sub>, độ ẩm (hút ẩm), nhạy với không khí. Hấp thu độ ẩm từ không khí. Hấp thụ CO<sub>2</sub> từ không khí, dễ hút ẩm, nên giữ cho bình chứa luôn kín.</li> <li>- <b>Chú thích đặc biệt về khả năng gây ăn mòn:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Poly hóa:</b> không xảy ra.</li> </ul>		
<p><b>11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH</b></p>		

<p style="text-align: center;"><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b> <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b> Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b></p> <p><b>Lithium hydroxide</b></p>	<p>MSDS: 6 16/10/2012</p>
--	--	-------------------------------

- **Đường đi vào:** hít thở, tiêu hóa.
- **Độc tính lên động vật:** giá trị LC50 được tính trên cơ sở tiếp xúc 4 giờ. Độc cấp tính qua đường miệng (LD50): 210 mg/kg [Chuột]. Độc cấp tính khi hít bụi (LC50): 960 mg/m<sup>3</sup> trong 4 giờ [Chuột].
- **Ảnh hưởng mãn tính lên con người:** có thể gây ra thiệt hại cho các cơ quan sau: thận, đường tiêu hóa, đường hô hấp, da, mắt, hệ thống thần kinh trung ương (CNS)
- **Ảnh hưởng độc tính lên con người:** cực kỳ nguy hiểm trong trường hợp tiếp xúc với da (ăn mòn), đường hô hấp (ăn mòn phổi). Rất nguy hiểm trong trường hợp khi nuốt vào, nguy hiểm trong trường hợp tiếp xúc với mắt (ăn mòn).
- **Chú thích đặc biệt về độc tính lên động vật:** không có giá trị.
- **Chú thích đặc biệt về ảnh hưởng mãn tính khác lên con người:** không có giá trị.
- **Chú thích đặc biệt về ảnh hưởng độc tính khác lên con người**

***Độc cấp tính***

Da: ăn mòn do kích ứng và bỏng da nghiêm trọng.

Mắt: gây dị ứng và bỏng của mắt, gây viêm kết mạc và tổn thương giác mạc.

Hít phải: có hại nếu hít phải gây phá hủy đường hô hấp, dẫn đến tử vong như một kết quả của co thắt, phù nề, viêm thanh quản và phế quản, viêm phổi do hóa chất, và phù phổi. Có thể ảnh hưởng đến khả năng hô hấp (khó thở) và gây ra rát họng, ho, thở khò khè. Cũng có thể gây buồn nôn, nôn và đau đầu.

Nuốt phải: có hại nếu nuốt phải. Nguyên nhân phá hủy đường tiêu hóa, gây ra đau bụng, buồn nôn, nôn, tiêu chảy. Có thể gây ăn mòn và phá hủy vĩnh viễn các mô của thực quản và đường tiêu hóa. Có thể ảnh hưởng đến hệ thống thần kinh trung ương (nhức đầu, buồn ngủ, run, mất phương hướng, lẫn lộn, khả năng tập trung suy giảm, hôn mê, rối loạn, buồn ngủ, co giật), chán ăn, giảm cân, có thể gây tổn thương thận, ảnh hưởng đến hô hấp (khó thở) và gây ra cảm giác nóng rát, ho, thở khò khè, viêm thanh quản.

Mức độ ảnh hưởng sức khỏe mãn tính:

Nuốt phải: độc tính của lithium hydroxide là do sự tích lũy gây ra, gây ra chán ăn, sụt cân, suy nhược, mệt mỏi, mất nước, khát nước, khô miệng. Chấn động của tay, môi, hoặc hàm là do sự chi phối của hệ thống thần kinh trung ương, rối loạn tâm thần, chóng mặt, nói lắp, mờ mắt,

<p style="text-align: center;"><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b> <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b> Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b></p> <p><b>Lithium hydroxide</b></p>	<p>MSDS: 6 16/10/2012</p>
<p>buồn ngủ, và tăng hoạt động của hệ thần kinh, bao gồm co giật, động kinh, tình trạng hôn mê. có thể gây ra bệnh bướu cổ, các triệu chứng của da (các loại viêm da như bệnh vẩy nến, loét da, mụn trứng cá,...), ù tai, và ảnh hưởng đến gan (chức năng gan suy yếu), thận và máu.</p>		
<p><b>12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Độc tính sinh thái:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>BOD<sub>5</sub> và COD:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Sản phẩm phân hủy sinh học:</b> những sản phẩm phân hủy ngắn có thể không độc hại. Tuy nhiên về lâu dài có thể tăng nguy cơ độc hại.</li> </ul> <p><b>Độc tính sản phẩm phân hủy:</b> sản phẩm phân hủy có độc tính ít hơn.</p>		
<p><b>13. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuân thủ theo Luật 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007. Điều 25 và Điều 35: Xử lý, thải bỏ hóa chất tồn dư, chất thải và dụng cụ hóa chất.</li> <li>- <b>Biện pháp thải bỏ (áp dụng cho chất thải hóa học nguy hại)</b> <i>Tái sử dụng nếu có thể</i> <i>Thu gom và xử lý dạng rắn</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Chai lọ đựng hóa chất rỗng, chất thải rắn khác có dính hóa chất nguy hại: thu gom vào thùng chứa riêng. Sau đó được đem đốt ở nơi có khả năng xử lý chất thải nguy hại.</li> <li>• Hóa chất hết hạn: làm thủ tục theo quy định.</li> </ul> <i>Thu gom và xử lý dạng lỏng</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dung môi thải, chứa chất hữu cơ, không chứa chất kim loại: thu gom vào thùng riêng. Sau đó được đem đi đốt ở nơi có khả năng xử lý chất thải nguy hại.</li> <li>• Dung dịch chứa kim loại nặng: thu gom vào thùng riêng, được xử lý bằng phương pháp xử lý nước thải thích hợp.</li> <li>• Dung dịch chứa axit, kiềm mà không chứa kim loại: có thể trung hòa và thoát vào cống thoát nước.</li> </ul> <p><b>Xử lý hóa chất dạng hơi:</b> vận hành tủ hút có bộ lọc HEPA hoặc hệ thống quạt hút ra ngoài.</p> </li> </ul>		
<p><u>Chú ý:</u></p>		

<p style="text-align: center;"><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b> <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b> Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b></p> <p><b>Lithium hydroxide</b></p>	<p>MSDS: 6 16/10/2012</p>
<p>- Nên thu gom theo từng loại xét nghiệm là tốt nhất, có thể chia theo nhóm nhưng chú ý không được trộn lẫn các hóa chất kị với nhau (tham khảo trong bảng).</p> <p>- Cố gắng giảm độc tính nguy hại thành chất ít nguy hại hơn.</p> <p>- Chai/lọ đựng hóa chất đã hết hạn có thể sử dụng để đựng chất thải tương ứng của nhóm đó.</p> <p>- Cần ghi rõ thông tin trên mỗi chai/lọ đựng chất thải các thông tin sau: loại chất thải nguy hại (nồng độ nếu có), ngày bắt đầu được thu gom, khoa/phòng có chất thải/ người chịu trách nhiệm thu gom.</p>		
<p><b>14. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN</b></p>		
<p>- Thực hiện theo 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009.</p> <p>- <b>Xếp loại DOT:</b> Class 8: chất gây ăn mòn. <b>Nhận dạng:</b> Lithium hydroxide, chất rắn UNNA: 2680 PG: II.</p>		
<p><b>15. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ</b></p>		
<p>- <b>Quy chuẩn áp dụng</b> Quy chuẩn Quốc gia: TCVN 5507:2002 Nghị định: số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009</p> <p>- <b>Xếp loại khác</b> <b>DSCL (EEC):</b> R20/22- Nguy hại khi hít, nuốt phải. R35- Gây cháy lớn. S22- không hít bụi. S26- Trong trường hợp tiếp xúc với mắt, rửa ngay với nhiều nước và gọi cấp cứu. S36/37/39- mặc áo bảo hộ, găng tay, mắt kính thích hợp. S45- Trong trường hợp thấy không khỏe, gọi cấp cứu ngay.</p> <p><b>HMIS (U.S.A.)</b></p> <p style="padding-left: 40px;">Độc hại sức khỏe: 3 Nguy hiểm cháy: 0 Độ hoạt hóa: 0 Bảo vệ cá nhân: J</p> <p><b>National Fire Protection Association (U.S.A.)</b></p> <p style="padding-left: 40px;">Sức khỏe: 3 Khả năng cháy: 0</p>		



<p style="text-align: center;"><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b> <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b> Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b></p> <p><b>Lithium hydroxide</b></p>	<p>MSDS: 6 16/10/2012</p>
<p>Độ hoạt hóa: 0 Độc hại đặc biệt:</p>		
<b>16. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC</b>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Thông tin tham khảo:</b> Lithium hydroxide MSDS – science lab.com, INC, Mỹ</li> <li>- <b>Ngày ghi:</b> 16/10/2012</li> <li>- <b>Ngày sửa đổi gần nhất:</b> 16/10/2012</li> <li>- <b>Tổ chức biên soạn:</b> Viện Vệ sinh Y tế Công cộng TP.HCM, Khoa Xét nghiệm, Labo Hóa Độc chất Môi trường.</li> </ul> <p><i>Lưu ý người đọc:</i></p> <p><i>Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.</i></p> <p><i>Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.</i></p>		